Phụ lục III

TIÊU CHÍ XÃ NÔNG THÔN MỚI TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH TUYÊN QUANG GIAI ĐOẠN 2026 - 2030

(Kèm theo Quyết định số: 109/2026/QĐ-UBND ngày 10 tháng 8 năm 2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang)

TT	Tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Chỉ tiêu chung	Chỉ tiêu theo vùng		Cơ quan phụ trách
				Thôn đặc biệt khó khăn	Thôn còn lại	
1	Hạ tầng kinh tế - xã hội	1.1. Hệ thống đường giao thông nông thôn trên địa bàn thôn đảm bảo kết nối đường xã, đường liên thôn và được bảo trì hằng năm;	100%	100%	100%	Sở Xây dựng
		1.2. Tỷ lệ km đường thôn; đường ngõ, xóm được cứng hóa (bê tông hóa hoặc nhựa hóa);	≥85%	≥80%	≥90%	
		1.3. Tỷ lệ hộ có đăng ký trực tiếp và được sử dụng điện sinh hoạt, sản xuất đảm bảo an toàn, tin cậy và ổn định	≥98%	≥98%	99%	Sở Công Thương
2	Phát triển kinh tế nông thôn	2.1. Tốc độ tăng thu nhập bình quân đầu người	Bình quân từ 9,5%/năm trở lên	9,5%/năm	9,5%/năm	Thống kê tỉnh Tuyên Quang
		2.2. Có mô hình nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao hoặc mô hình kinh tế xanh hoặc mô hình kinh tế tuần hoàn hiệu quả	≥01 mô hình	Không áp dụng	≥01 mô hình	Sở Nông nghiệp và Môi trường

TT	Tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Chỉ tiêu chung	Chỉ tiêu theo vùng		Cơ quan phụ trách
				Thôn đặc biệt khó khăn	Thôn còn lại	
		2.3. Các mô hình du lịch nông thôn (nếu có) trong quy hoạch chung xã được đầu tư hạ tầng đồng bộ kết nối và hoạt động hiệu quả gắn với đặc trưng của địa phương	Đạt	Đạt	Đạt	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch
3	Văn hóa	3.1. Nhà văn hóa - Khu thể thao thôn đạt chuẩn theo quy định	Đạt	Đạt	Đạt	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch
		3.2. Thôn đạt danh hiệu văn hóa theo quy định	Đạt	Đạt	Đạt	
		3.3. Có ít nhất 01 câu lạc bộ văn hóa, nghệ thuật và 01 câu lạc bộ thể dục, thể thao hoạt động thường xuyên	Đạt	Đạt	Đạt	
4	Giảm nghèo và An sinh xã hội	4.1. Tỷ lệ nghèo đa chiều trên địa bàn thôn	≤13%	≤13%	≤13%	Sở Nông nghiệp và Môi trường
		4.2. Tỷ lệ hộ được sử dụng nước sạch theo quy chuẩn	Đạt	Tỷ lệ ≥65% (đối với thôn thuộc xã nhóm 1, tỷ lệ hộ được sử dụng nước sạch từ công trình cấp nước tập trung ≥50%)		
		4.3. Tỷ lệ hộ đạt tiêu chuẩn "5 không, 3 sạch, 3 an"	Đạt	Đạt	Đạt	Hội Liên hiệp phụ nữ tỉnh
5	Môi trường và cảnh quan nông	5.1. Tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt được phân loại, thu gom, xử lý đạt ≥80%; tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt chôn lấp trực tiếp ≤50% tổng lượng chất thải rắn phát sinh	Đạt	Đạt	Đạt	Sở Nông nghiệp và Môi trường

TT	Tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Chỉ tiêu chung	Chỉ tiêu theo vùng		Cơ quan phụ trách
				Thôn đặc biệt khó khăn	Thôn còn lại	
	thôn	5.2. Cảnh quan, không gian xanh - sạch - đẹp, an toàn	Đạt	Đạt	Đạt	
		5.3. Cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ[1], làng nghề (nếu có) theo quy hoạch và tuân thủ quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường	Đạt	Đạt	Đạt	
6	Xây dựng hệ thống chính trị	6.1. Không có đảng viên trong Chi bộ bị khai trừ đảng hoặc bị kiểm điểm từ cảnh cáo trở lên trong 2 năm liên tục với năm liền kề xét công nhận	Đạt	Đạt	Đạt	Sở Nội vụ
		6.2. An ninh, trật tự được bảo đảm; lực lượng tham gia bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở phát huy hiệu quả đảm bảo số lượng, chất lượng, điều kiện hoạt động	Đạt	Đạt	Đạt	Công an tỉnh

[1] Bao gồm cả cơ sở chăn nuôi, nuôi trồng thuỷ sản, chế biến nông lâm thuỷ sản